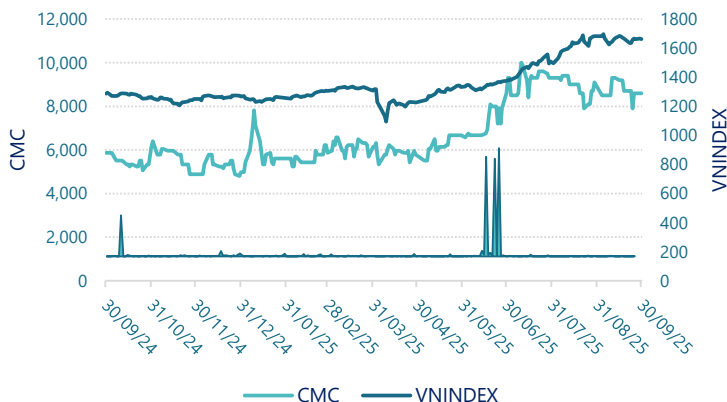




CTCP Đầu tư CMC (HNX: CMC)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch

30/09/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	8,600
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	10,000
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	4,800
SL cổ phiếu LH	5,108,347
KLGD BQ 20 phiên (CP)	9,568
% sở hữu nước ngoài	0.3%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	44
P/E	9.8
EPS	874

DT thuần

Q3/25

46.8

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 24.2 | 107%

YoY: ▲ 33.2 | 244%

LN sau thuế

Q3/25

3.01

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 1.63 | 118%

YoY: ▲ 5.63 | 215%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

8.9%

+/- YoY: ▲ 23.7%

DT thuần

9T 2025

91.0

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 43.3 | 90.6%

LN sau thuế

9T 2025

4.54

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 4.27 | 1579%

ROE

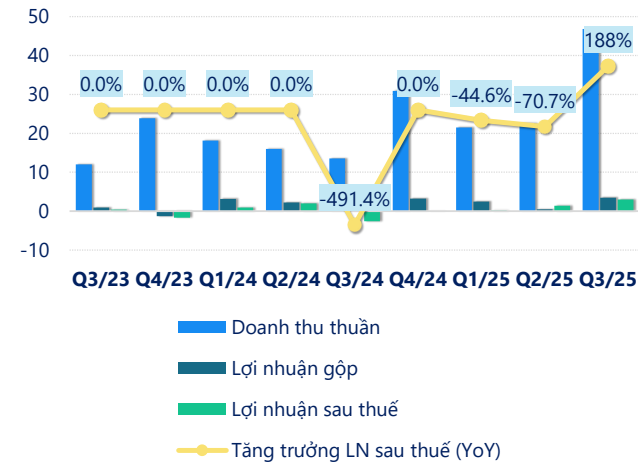
Q3/25

7.1%

+/- YoY: ▲ 9.3%

tỷ VNĐ

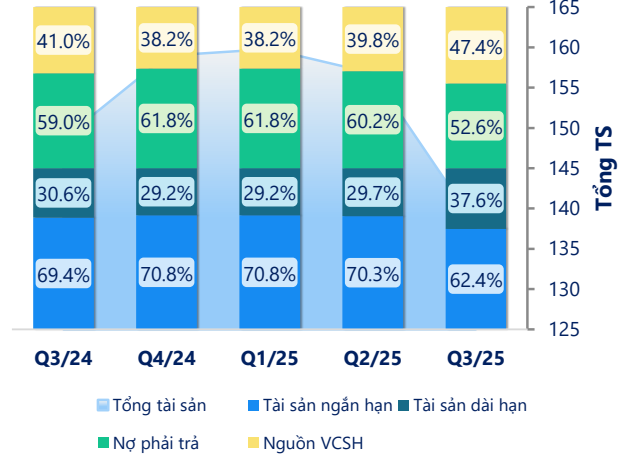
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

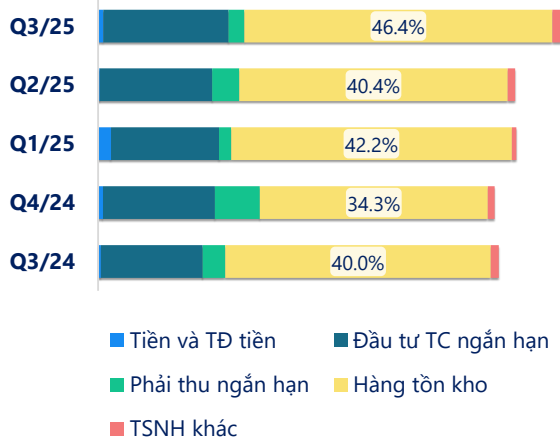
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



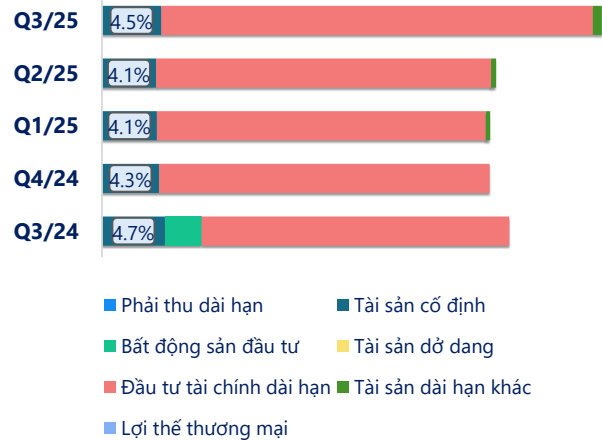
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

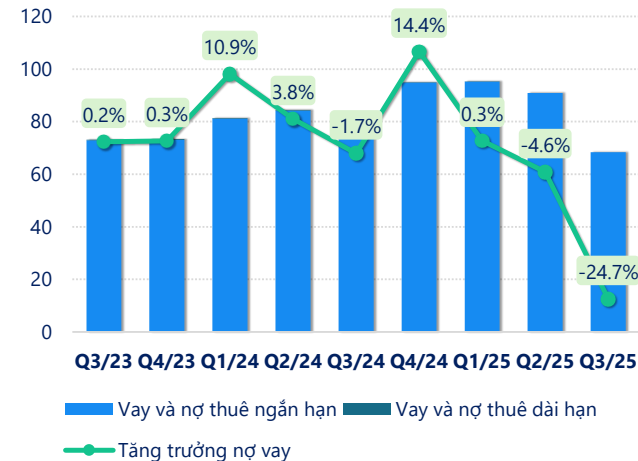
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

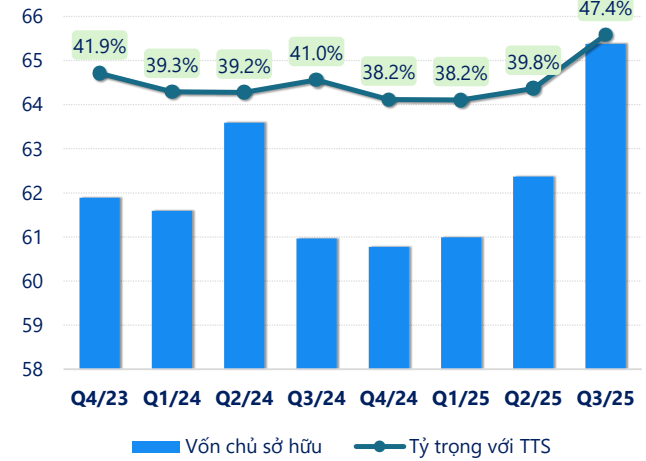
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

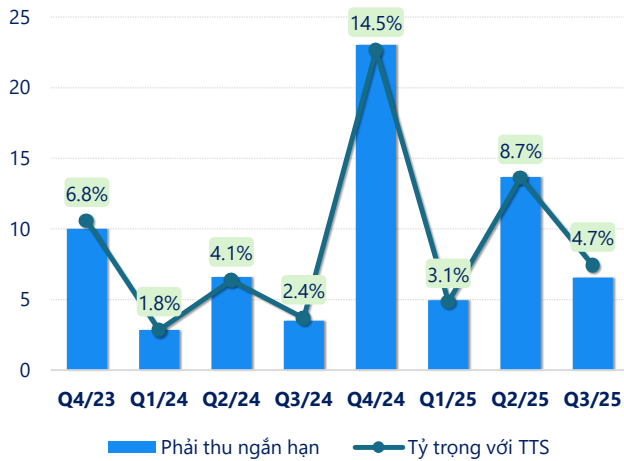
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



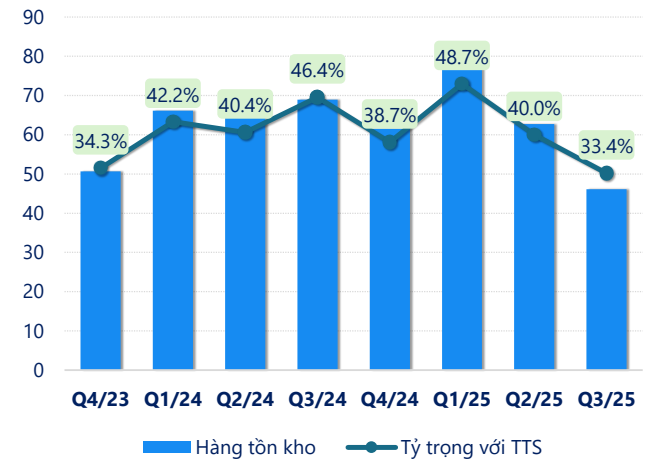
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


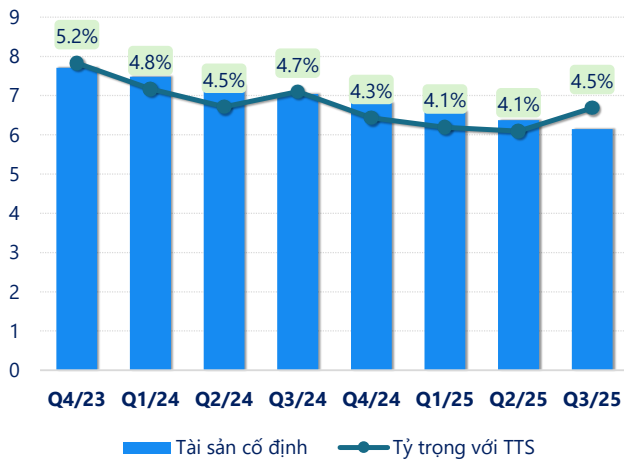
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


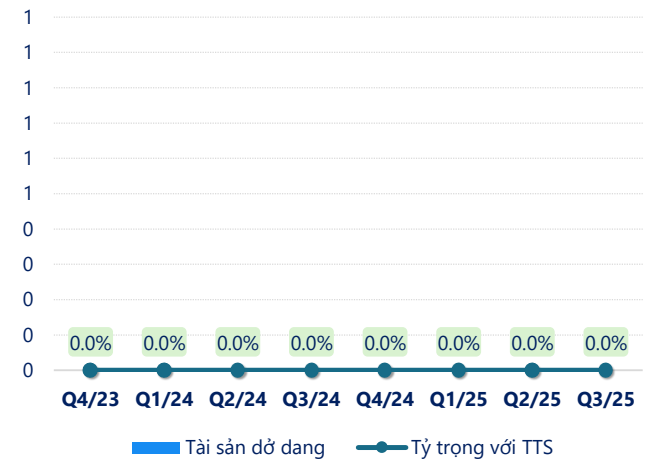
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

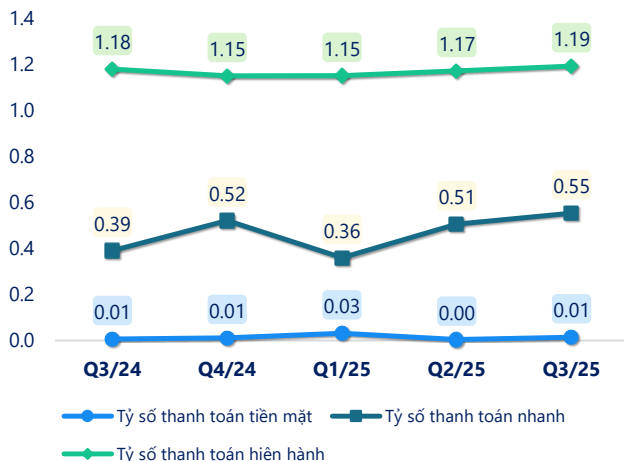
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

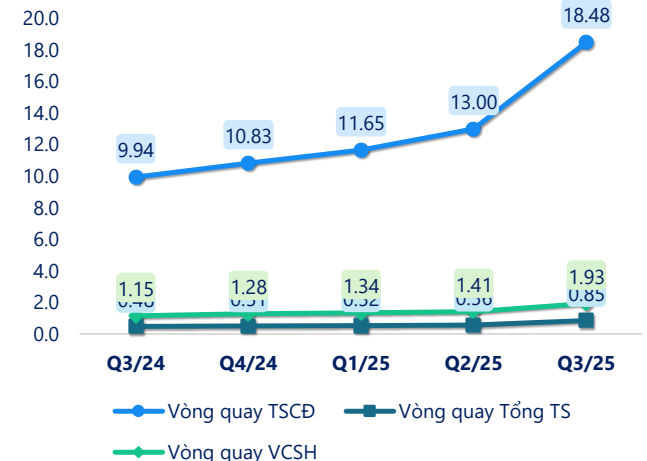
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	149	159	160	157	138
Tài sản ngắn hạn	103	113	113	110	86.1
Tiền và tương đương tiền	0.61	1.17	3.10	0.40	1.05
Đầu tư tài chính ngắn hạn	28.1	26.1	26.2	32.4	32.3
Phải thu ngắn hạn	3.50	23.0	4.95	13.7	6.55
Hàng tồn kho	68.9	61.5	77.8	62.7	46.1
Tài sản ngắn hạn khác	1.99	0.78	1.17	1.15	0
Tài sản dài hạn	45.6	46.3	46.7	46.5	51.8
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	7.04	6.82	6.59	6.37	6.15
Bất động sản đầu tư	4.09	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0	0	0	0	0
Đầu tư tài chính dài hạn	34.4	39.5	39.5	39.5	44.8
Tài sản dài hạn khác	0	0	0.55	0.61	0.92
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	87.7	98.2	98.8	94.4	72.5
Nợ ngắn hạn	87.3	97.9	98.3	94.0	72.2
Vay và nợ thuê ngắn hạn	82.8	94.8	95.2	90.8	68.4
Phải trả người bán ngắn hạn	0	0	0	0	0
Nợ dài hạn	0.35	0.31	0.52	0.38	0.38
Vay và nợ thuê dài hạn	0.17	0.13	0.13	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	61.0	60.8	61.0	62.4	65.4
Vốn chủ sở hữu	61.0	60.8	61.0	62.4	65.4
Vốn điều lệ	45.6	45.6	45.6	45.6	51.1
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)